

Bản án số: 1014/2019/DS-PT
Ngày: 12 - 11 - 2019
“Tranh chấp chia tài sản chung
và chia thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thịnh

Các Thẩm phán: 1. Bà Trịnh Thị Ánh
2. Bà Huỳnh Thị Như Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Long Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Bà Đào Thị Xuân Hồng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 07 và ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 414/DSPT ngày 05/9/2019 về việc “Tranh chấp thừa kế”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 192/2019/DS-ST ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4771/2019/QĐXX-PT ngày 07 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5112/QĐ-PT ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trương Tấn H** - Sinh năm 1991.

Địa chỉ: số 971/7 Hồng Bàng, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: số 298A Thạch Lam, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân H - Sinh năm 1965.

Địa chỉ: 298A Thạch Lam, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 02/7/2018). (Ông Huỳnh, ông Hưng có mặt).

Bị đơn: Bà **Trương Thị Cao C** - Sinh năm 1966.

Địa chỉ: số 971/7 Hồng Bàng, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Bùi N - Sinh năm 1979.

Địa chỉ: 257/4 Lê Đình C, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 18/11/2017). (Bà Các, ông Nam có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Trang Anh D**- Sinh năm 1972.

Địa chỉ: số 39A Nguyễn Thị Nhỏ, Phường 2, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Bùi N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: số 257/4 Lê Đình C, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 18/11/2017) (có mặt).

2/ Bà **Sử Thị Hồng A** - Sinh năm 1979.

Địa chỉ: số 971/7 Hồng Bàng, Phường 9, Quận 6, Thành phố H.

3/ Bà **Trương Huỳnh N**- Sinh năm 1988.

Địa chỉ: số 971/7 Hồng Bàng, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Anh, bà Nương: Ông Trần Xuân Hường, sinh năm 1965; Địa chỉ liên lạc: 298A Thạch Lam, phường Phú Th, quận Tân Ph, Thành phố H (có mặt).

4/ Bà **Từ Thị Khánh P** - Sinh năm 1987;

5/ Bà **Trần Như N** - Sinh năm 1995;

6/ Bà **Trần Như Y** - Sinh năm 1997;

7/ Ông **Trần Văn Ngh** - Sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: số 971/7 Hồng B, Phường 9, Quận 6, Thành phố H và cùng ủy quyền cho ông Trần Bùi N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: số 257/4 Lê Đình C, phường Tân T, quận Bình T, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 30/6/2016) (có mặt).

8/ Ông **Trần Quốc H** - Sinh năm 2001.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị Cao C, sinh năm 1966; Địa chỉ: số 971/7 Hồng Bàng, Phường 9, Quận 6, Thành phố H. Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Cao C: Ông Trần Bùi Nam, sinh năm 1979; Địa chỉ: 257/4 Lê Đình C, phường Tân T, quận Bình T, Thành phố H. (Văn bản ủy quyền ngày 18/11/2017) (có mặt).

9/ Trẻ **Mạch Kim L** - Sinh năm 2015;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Huỳnh Nương, sinh năm 1988.

Địa chỉ: số 971/7 Hồng B, Phường 9, Quận 6, Thành phố H. Người đại diện theo ủy quyền của bà Nương: Ông Trần Xuân H, sinh năm 1965; Địa chỉ liên lạc: số 298A Thạch Lam, phường Phú Th, quận Tân Ph, Thành phố H. (Văn bản ủy quyền ngày 10/7/2018) (có mặt)

10/ Trẻ **Trang Bạch P** - Sinh năm 2004.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trang Anh D, sinh năm 1972; Địa chỉ: số 39A Nguyễn Thị Nh, Phường 2, Quận 6, Thành phố H. Người đại diện theo ủy quyền của ông Trang Anh D: Ông Trần Bùi N, sinh năm 1979; Địa chỉ: số 257/4 Lê Đình C, phường Tân T, quận Bình T, Thành phố H. (Văn bản ủy quyền ngày 18/11/2017) (có mặt).

11/ Phòng Công chứng số 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở: số 388 Nguyễn Văn L, Phường 12, Quận 6, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồ Phương N, sinh năm 1983 (Văn bản ủy quyền ngày 29/01/2019) (có đơn xin vắng mặt).

Người làm chứng: Ông **Nguyễn Văn T** - Sinh năm 1939.

Địa chỉ: số 580/17G Phạm Văn Ch, Phường 8, Quận 6, Thành phố H (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, hòa giải tại tòa nguyên đơn ông Trương Tấn H có ông Trần Xuân H đại diện ủy quyền trình bày:

Nhà đất tranh chấp tọa lạc tại địa chỉ số 971/7 Hồng Bàng, Phường 9, Quận 6, Thành phố H có nguồn gốc là của ông, bà nội của ông Trương Tấn H là cụ Trương Văn Nhi (chết năm 1999, không để lại di chúc) và cụ Trang Thị Q (chết năm 2017). Cụ Nhi và cụ Quế được Ủy ban nhân dân Quận 6 cấp Giấy phép hợp thực hóa chủ quyền nhà số 602/GP/UB ngày 07/6/1993 với số nhà cũ là 323/7 Hùng Vương, Phường 9, Quận 6 và đến ngày 16/8/2007, Ủy ban nhân dân Quận 6 cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 0839/2007/GCN cho cụ Trang Thị Q và các đồng thừa kế là: Bà Các, ông D và ông H.

Cụ Nhi và cụ Quế có tất cả 03 người con là: Bà Trương Thị Cao C, sinh năm 1965; ông Trang Anh D, sinh năm 1972 và ông Trương Hồng Hoàng, sinh năm 1965. Năm 2013 ông Trương Hồng Hoàng chết, ông Hoàng có vợ là bà Võ Thị Mỹ Hằng sinh năm 1965, nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 83/TL ngày 31/5/2001 của Tòa án nhân dân Quận 6 và giao hai con chung là Trương Huỳnh Nương, sinh năm 1988 và Trương Tấn H, sinh năm 1991 cho ông Hoàng nuôi dưỡng. Đến ngày 16/9/2003, ông Hoàng kết hôn với người vợ sau là bà Sử Thị Hồng A, sinh năm 1979, nhưng hai người không có con chung.

Vào ngày 21/3/2017 cụ Trang Thị Q có lập di chúc tại nhà do Phòng công chứng số 7 công chứng, sự việc có ghi hình và tiếng thể hiện lời di chúc của cụ Quế. Theo đó, cụ Quế di chúc toàn bộ phần nhà đất thuộc sở hữu của mình và phần được hưởng thừa kế từ chồng là cụ Trương Văn Nhi đối với căn nhà số 971/7 Hồng Bàng cho ông Trương Tấn H. Do đó, ông Trương Tấn H yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản thừa kế do cụ Trương

Văn Nhi để lại và chia thừa kế theo di chúc đối với di sản do cụ Trang Thị Q để lại cho ông Hưng. Phần ông được hưởng tương đương 2.645.833.320 đồng, ông Hưng yêu cầu được nhận nhà và đồng ý hoàn trả kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

Hiện trạng nhà đất không thay đổi so với thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất năm 2007 và hiện nhà đất không thế chấp Ngân hàng, không nằm trong quy hoạch, giấy tờ nhà bản chính do phía ông Trương Tấn H đang giữ. Theo xác minh của Công an Phường 9, Quận 6 thì những người đang cư trú tại căn nhà tranh chấp gồm các ông/bà: Trương Thị Cao C, Từ Thị Khánh Phương, Trương Tấn H, Trần Như Ngọc, Trần Như Ý, Trần Quốc Huy, Trần Văn Nghiêm, Sử Thị Hồng A, Trương Quỳnh Nương, Mạch Kim Long, Trang Anh D và Trang Bạch Phụng. Nhưng hiện nay ông Hưng, bà Anh, bà Nương và cháu Long không còn cư trú tại căn nhà trên.

Ông Hưng đồng ý với biên bản định giá ngày 29/5/2018, với giá trị nhà đất tranh chấp là 2.217.096.450 đồng, không yêu cầu tiến hành định giá lại.

Ông không đồng ý đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu Tòa án tuyên hủy di chúc công chứng số 05996 ngày 21/3/2017 do bà Trang Thị Q lập tại Phòng Công chứng số 7 và yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với toàn bộ nhà đất kể trên.

Bị đơn bà Trương Thị Cao C có đại diện ủy quyền là ông Trần Bùi N trình bày:

Thống nhất với trình bày của nguyên đơn về những vấn đề sau: Tài sản của cụ Trương Văn Nhi và cụ Trang Thị Q chết để lại là nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số 971/7 Hồng Bàng, Phường 9, Quận 6, Thành phố H và những người thuộc hàng thừa kế; hiện trạng nhà đất không thay đổi so với thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất năm 2007; hiện tại nhà đất không thế chấp Ngân hàng, không nằm trong quy hoạch và cũng đồng ý với biên bản định giá ngày 29/5/2018, với giá trị nhà đất tranh chấp là 2.217.096.450 đồng, bà Các không yêu cầu tiến hành định giá lại.

Cụ Trương Văn Nhi chết năm 1999, không để lại di chúc. Riêng đối với di chúc lập ngày 21/3/2017 của cụ Trang Thị Q lập tại Phòng công chứng số 7, thì bà Các không đồng ý vì những lý do sau:

+ Vào thời điểm lập di chúc bà Trang Thị Q đã già, người làm chứng cũng lớn tuổi, nên không còn minh mẫn.

+ Vào ngày lập di chúc ngày 21/3/2017, thì không có mặt công chứng viên, chữ ký và chữ viết trên di chúc đúng là của ông Tánh, nhưng nội dung thì do thư ký Phòng công chứng số 7 đọc cho ông Tánh ghi.

+ Thủ tục lập di chúc cần có Giấy khám sức khỏe, tuy nhiên thời điểm lập

di chúc lại không có giấy khám sức khỏe thể hiện cụ Quế còn minh mẫn, sáng suốt. Vào ngày 07/8/2017, bà Các có nhờ Thừa phát lại lập vi bằng và sự việc có ghi âm lại lời trao đổi của người làm chứng ông Nguyễn Văn Tánh, đã thể hiện những nội dung trên. Do đó, bà Các đề nghị Tòa án tuyên hủy di chúc của cụ Trang Thị Q lập ngày 21/3/2017 được Phòng công chứng số 7 công chứng. Đồng thời, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do cụ Trương Văn Nhi và cụ Trang Thị Q để lại; bà Các yêu cầu nhận nhà và đồng ý hoàn trả kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác khi phân chia thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Huỳnh Nương, có ông Trần Xuân H là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà Trương Huỳnh N là chị ruột của ông Trương Tấn H, là con ruột của ông Trương Hồng Hoàng. Bà Nương đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Tấn H, không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà Các. Bà Nương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Bà Sử Thị Hồng A, có ông Trần Xuân H là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà Sử Thị Hồng A là vợ sau của ông Trương Hồng Hoàng; bà Anh và ông Hoàng không có con chung. Ông Trương Tấn H và bà Trương Huỳnh N là con riêng của ông Trương Hồng Hoàng. Bà Anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Tấn H, không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà Các. Trong vụ án này bà Anh không có yêu cầu độc lập và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Ông Trang Anh D có ông Trần Bùi N là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông Trang Anh D (Theo biên bản xác minh ngày 15/01/2018 của Công an Phường 9, Quận 6 ghi là Trương Anh Dũng là không đúng) là con của ông Trương Văn Nhi và bà Trang Thị Q. Ông Dũng đồng ý với trình bày của bà Trương Thị Cao C, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Dũng đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà đất số 971/7 Hồng Bàng.

4. Bà Từ Thị Khánh Phương; bà Trần Như Ngọc; bà Trần Như Ý và ông Trần Văn Nghiêm có ông Trần Bùi N là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Đồng ý với ý kiến của bà Trương Thị Cao C và không có ý kiến gì khác. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

5. Anh Trần Quốc Huy có người đại diện theo pháp luật là bà Trương Thị Cao C (Bà Các có ông Trần Bùi N là người đại diện theo ủy quyền) trình bày: Anh Trần Quốc Huy là con của bà Trương Thị Cao C nên ở cùng nhà với bà Các, việc tranh chấp giữa các bên thì anh Huy không có ý kiến gì.

6. Trẻ Mạch Kim Long có người đại diện theo pháp luật là bà Trương Huỳnh N (Bà Nương có ông Trần Xuân H là người đại diện theo ủy quyền)

trình bày: Trẻ Mạch Kim Long là con của bà Trương Huỳnh N nên ở cùng nhà với bà Nương, việc tranh chấp giữa các bên thì trẻ Long không có ý kiến gì.

7. *Trẻ Trang Bạch Phụng có người đại diện theo pháp luật là ông Trang Anh Dũng, do ông Trần Bùi N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Cháu Trang Bạch Phụng là con của ông Trang Anh Dnên ở cùng với ông Dũng, việc tranh chấp giữa các bên cháu Phụng không có ý kiến gì.

8. *Phòng Công chứng số 7, Thành phố Htrình bày:*

Căn cứ vào khoản 1, Điều 47 của Luật Công chứng năm 2014 quy định về người yêu cầu công chứng: "là cá nhân phải có năng lực hành vi dân sự" và "Người yêu cầu công chứng phải xuất trình đầy đủ giấy tờ cần thiết liên quan đến việc công chứng và chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ đó"; Căn cứ vào Khoản 3 Điều 5 của Luật Công chứng năm 2014 quy định: "Hợp đồng, giao dịch được công chứng có giá trị chứng cứ, những tình tiết, sự kiện trong hợp đồng, giao dịch được công chứng không phải chứng minh, trừ trường hợp bị Tòa án tuyên bố vô hiệu". Mặt khác, căn cứ vào Điều 630 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Về quy định di chúc hợp pháp) thì Phòng Công chứng số 7 đã thực hiện chứng nhận di chúc số 05996 ngày 21/3/2017 của bà Trang Thị Q là phù hợp với các trình tự và thủ tục theo quy định của pháp luật và theo các giấy tờ do bà Trang Thị Q xuất trình. Đồng thời, hiện nay không có quy định nào của pháp luật về việc người yêu cầu công chứng khi giao kết, thực hiện hợp đồng, giao dịch phải có giấy chứng nhận sức khỏe.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông có quen biết cụ Trang Thị Q, do ông làm việc gần nhà cụ Q nên cụ Q có nhờ ông là người làm chứng lập di chúc. Cụ Q có biết chữ đã đọc lại nội dung di chúc, mặt khác ông cũng đã đọc lại nội dung di chúc trên cho cụ Q. Cụ Q còn minh mẫn và sáng suốt, nhìn nhận nội dung di chúc trên là đúng với nguyện vọng và ý chí của bà. Sau đó, cụ Q đã lặn tay vào di chúc trên. Nội dung di chúc cụ Q để lại toàn bộ phần tài sản của mình (kể cả phần riêng của bà và cả phần mà bà được hưởng thừa kế từ ông Trương Văn Nh) đối với nhà đất tại địa chỉ 971/7 Hồng Bàng, Phường 9, Quận 6 cho ông Trương Tấn H.

Vào khoảng sau đó, cũng năm 2017, bà Các và một số người có đến nhà ông hỏi về việc lập di chúc của cụ Quế; khi đến chỉ hỏi ông một lúc rồi về, ông không ký vào văn bản nào. Ngoài ra, khi ký làm chứng di chúc tại nhà bà Quế ông không rõ người lập di chúc có phải công chứng viên Phòng Công chứng số 7 hay không, chứ ông không nói không có Công chứng viên; ông chỉ nhớ là có một người giới tính nam có mặt và ghi nhận di chúc của cụ Quế. Nội dung làm chứng trong di chúc của cụ Quế là do ông Tánh tự viết nhưng cũng có sự hướng dẫn của Công chứng viên và nội dung là đúng với ý chí của ông.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 192/2019/DS-ST ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và 2 Điều 147; Điều 184; Điều 208; Điều 209; Điều 210; Điều 211; khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 219; Điều 357, Điều 468 ; Điều 623; Điều 627; Điều 628; Điều 630; Điều 631; Điều 632; Điều 636; Điều 639; Điều 643; Điều 649 và Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 17 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ Điều 48 Nghị Quyết 326 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.1. Xác nhận tài sản chung của cụ Trương Văn Nhi để lại là 1/2 giá trị nhà đất tọa lạc tại địa chỉ 971/7 Hồng Bàng, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; Xác nhận di sản thừa kế mà cụ Trang Thị Q để lại là 5/8 (1/2 + 1/8) giá trị nhà đất tại địa chỉ 971/7 Hồng Bàng, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (Nhà đất trên thuộc thửa 22, tờ bản đồ số 02 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0839/2007/GCN ngày 16/8/2007 do Ủy ban nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

1.2. Chia quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông Trương Tấn H đối với nhà đất nêu trên; ông Hưng có trách nhiệm hoàn lại phần tài sản chung mà các đồng sở hữu khác được hưởng, bao gồm:

- Bà Trương Thị Cao C và ông Trang Anh Dũng, mỗi người được nhận 1/8 giá trị nhà đất nêu trên tạm tính tại thời điểm xét xử là 277.137.056 đồng (hai trăm bảy mươi bảy triệu một trăm ba mươi bảy nghìn không trăm năm mươi sáu đồng).

- Bà Sử Thị Hồng A và bà Trương Huỳnh Nương, mỗi người được nhận tương đương 1/24 giá trị nhà đất nêu trên, tạm tính tại thời điểm xét xử là 92.379.019 đồng (chín mươi hai triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn không trăm mười chín đồng).

Sau khi ông H hoàn lại cho các đồng sở hữu phần tài sản chung được hưởng như trên, thì những người ở trong căn nhà trên phải bàn giao căn nhà cho ông H, cụ thể là các ông, bà và các cháu sau: Trương Thị Cao C, Từ Thị Khánh Ph, Trần Như Ng, Trần Như Y, Trần Quốc H, Trần Văn Ngh, Trang Anh D và Trang Bạch Ph.

Ông Trương Tấn H được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu đối với căn nhà nói trên, đồng thời ông Trương Tấn H phải chấp hành việc quy hoạch đô thị khi Nhà nước có yêu cầu.

Về thi hành án: Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày bà Các, ông Dũng, bà Anh và bà Nương có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trương Tấn H không chịu thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền trên thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trương Thị Cao C

2.1. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trương Thị Cao C tuyên hủy di chúc của cụ Trang Thị Q lập ngày 21/3/2017 do Phòng công chứng số 7 công chứng.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trương Thị Cao C yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do bà Trang Thị Q để lại.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Tấn H phải nộp án phí là 56.341.929 đồng (Năm mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi một nghìn chín trăm hai mươi chín đồng); Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 42.458.333 đồng (Bốn mươi hai triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0028201 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; Do đó, ông H còn phải nộp thêm án phí dân sự là 13.883.596 đồng (Mười ba triệu tám trăm tám mươi ba nghìn năm trăm chín mươi sáu đồng).

Bà C phải nộp án phí dân sự tổng cộng là 14.156.853 đồng (Mười bốn triệu một trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi ba đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0010398 ngày 14/11/2018 và 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0010372 ngày 16/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; Do đó, bà Các được hoàn lại số tiền chênh lệch là 143.147 đồng (một trăm bốn mươi ba nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng).

Ông D phải nộp án phí dân sự là 13.856.853 đồng (Mười ba triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi ba đồng). Bà A và bà N, mỗi người phải nộp án phí dân sự là 4.618.951 đồng (Bốn triệu sáu trăm mười tám nghìn chín trăm năm mươi một đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 18/7/2019, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn kháng cáo ghi cùng ngày 18/7/2019 của bị đơn bà Trương Thị Cao C, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 192/2019/DS-ST ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận 6.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Trương Tấn H và đại diện ủy quyền của ông Hưng là ông Trần Xuân H xác định không rút đơn khởi kiện và không có kháng cáo. Ông H yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm vì di chúc của cụ nội ông là bà Trang Thị Q được làm hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

Bị đơn bà Trương Thị Cao C do ông Trần Bùi N đại diện ủy quyền xác định không rút kháng cáo và xác định kháng cáo yêu cầu hủy di chúc của bà Trang Thị Q là mẹ bà C đã lập ngày 21/3/2017 do Phòng Công chứng số 7, Thành phố Hồ Chí Minh, để phân chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà đất số 971/7 Hồng B, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì di chúc lập lúc bà Quế đã già, đang có tiền sử bệnh tai biến do xuất huyết não nên ảnh hưởng đến não không còn sáng suốt, có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi nhưng lúc di chúc không có giấy khám sức khỏe. Người làm chứng là ông Nguyễn Văn T cũng lớn tuổi; tại đoạn ghi âm ngày 07/8/2017 có Thừa phát lại thì ông Tánh nói khi lập di chúc thì không có Công chứng viên; đoạn video clip về việc hỏi và nói của cụ Q thì giọng nói không phải của Công chứng viên ký trong tờ di chúc và ông Hưng nguyên đơn tại tòa sơ thẩm đã không chỉ được người nào là Công chứng viên đã công chứng di chúc trong tâm hình do bà Các đưa ra. Về di sản và người được thừa kế di sản bà Các đồng ý thống nhất và không có yêu cầu kháng cáo; nhưng bà Các yêu cầu được hoàn giá trị kỷ phần cho các thừa kế để nhận hiện vật do có nhu cầu về chỗ ở.

Các bên xác định không có yêu cầu và không có tài liệu, chứng cứ mới nào khác nộp cho Tòa án tại cấp phúc thẩm; không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng tại cấp phúc thẩm: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đảm bảo đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung và yêu cầu kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị Cao C làm và nộp là đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét. Bà Các kháng cáo yêu cầu hủy di chúc của cụ Quế được Công chứng số 05996, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/3/2017 của Phòng

công chứng số 7, Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối nhà đất tại số 971/7 đường Hồng B, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh di chúc là không đúng ý chí cụ Quế và đảm bảo thủ tục công chứng theo quy định pháp luật do đó không có căn cứ chấp nhận. Đối với Về yêu cầu được nhận hiện vật của nguyên đơn ông Trương Tấn H và bị đơn bà Trương Thị Cao C: xét tại phiên Tòa phúc thẩm đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự phát mãi di sản để chia do các thừa kế không thỏa thuận được về người nhận hiện vật nhưng di sản không thể chia đều bằng hiện vật. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng như đã phân tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa - Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: “Đơn kháng cáo” của bị đơn Trương Thị Cao C là trong thời hạn thời hạn luật định, thủ tục kháng cáo đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận để xem xét về nội dung.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt; người làm chứng đã có lời khai và có đơn xin vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 228, Điều 229 và Điều 296 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

Xét nội dung yêu cầu kháng cáo:

[1] Xét “Di chúc” ngày 21/3/2017, của cụ Trương Thị Q được lập tại nhà theo yêu cầu của cụ Trương Thị Q vào ngày 20/3/2017 (BL204) và được Công chứng số 05996, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/3/2017 của Phòng công chứng số 7 Thành phố H(BL205-206). Ngoài ra việc lập di chúc còn được ghi hình, thu tiếng của cụ Q.

- Nội dung di chúc cụ Quế thể hiện ý chí: “1. Sau khi tôi chết thì người có tên sau đây là: ông Trương Tấn H - Năm sinh 1991 - Chứng minh nhân dân số: 024468286 - Cư trú tại: 971/7 Hồng B, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. - Sẽ được thừa kế di sản do tôi để lại là: toàn bộ phần của tôi (kể cả phần riêng của tôi và phần mà tôi được thừa kế của ông Trương Văn Nh) đối với nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 971/7 Hồng B, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định của pháp luật.”. Và “2. Ngoài ông Trương Tấn H ra, tôi không để lại di sản thừa kế này cho bất kỳ người nào khác.”.

- Di chúc này của cụ Q được ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1939, chứng minh nhân dân số: 020165068, cư trú tại số 580/17G Phạm Văn Ch, Phường 8,

Quận 6, Thành phố Hà Nội là người làm chứng ký tên, lăn tay điểm chỉ và ghi nội dung: “Tôi đã đọc di chúc này cho bà Trang Thị Q nghe và hiểu rõ nội dung. Bà Quế còn minh mẫn, sáng suốt và nhìn nhận nội dung di chúc là hoàn toàn đúng theo ý chí và nguyện vọng của bà./.”

- Tại mục 2 của di chúc, cụ Quế xác định: “Người làm chứng nêu trên là do tôi tự lựa chọn, không thuộc những người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của tôi; không phải là người có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan tới nội dung di chúc; không phải là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự và người có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi”.

- Tại “Bản tự khai” ngày 08/10/2018 (BL98) và “Biên bản lấy lời khai của đương sự” - người làm chứng ông Nguyễn Văn T xác nhận toàn bộ nội dung đã làm chứng tại di chúc của cụ Quế là đúng và có thật. Và ông Tánh xác định: “Tôi không nói là vào ngày 21/3/2017 không có mặt công chứng viên, tôi không nói câu đó. Tôi chỉ nhớ là có một người giới tính nam có mặt và ghi nhận di chúc của bà Quế, chứ tôi không biết đó có phải là công chứng viên hay không.” (BL101).

- Tại Công văn số 054/CC7 ngày 29/01/2019 của Phòng công chứng số 7, Thành phố Chí Minh về việc trao đổi và có ý kiến đối với tranh chấp tại vụ án theo yêu cầu của Tòa án nhân dân Quận 6, đã xác định: “Công chứng viên Phòng công chứng số 7 đã thực hiện chứng nhận Di chúc số 05996 theo yêu cầu của bà Trang Thị Q, phù hợp với các trình tự và thủ tục theo quy định của pháp luật và theo các giấy tờ do bà Trang Thị Q xuất trình.” (BL 210).

Như vậy, có căn cứ xác định di chúc của cụ Q là đúng theo quy định tại các Điều 626, 630, 631, 632 và 636 của Bộ luật dân sự. Bị đơn bà Trương Thị Cao C và người đại diện theo ủy quyền của bà Các tại phiên tòa cho rằng ông Tánh thừa nhận theo đoạn ghi âm tại vi bằng cuộc trao đổi giữa bà Các với ông Tánh ngày 07/8/2017 thì ông T thừa nhận lúc lập di chúc là không có mặt công chứng viên và ông T và cụ Quế chỉ lăn tay vào tờ giấy trắng. Nhưng không có tài liệu hay chứng cứ nào khác để chứng minh cho trình bày này hoặc chứng minh Di chúc của cụ Q là có vi phạm về đạo đức xã hội hoặc điều cấm của pháp luật - trong khi bà Các thừa nhận có mặt tại nhà khi Phòng công chứng đến làm việc. Do đó như đã phân tích và viện dẫn - Hội đồng xét xử không có căn cứ để hủy, hoặc không công nhận Di chúc của cụ Quế được lập và Công chứng số 05996, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/3/2017 của Phòng công chứng số 7 Thành phố Hà Nội từ đó phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối nhà đất tại số 971/7 đường Hồng Bàng, Phường 9, Quận 6, Thành phố Chí Minh theo kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị Cao C.

[2] Theo “Trích lục khai tử (Bản sao)” số 343/TLKT-BS ngày 15/8/2012 của Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh hiện cụ Trương Văn Nh đã chết ngày 12/01/1999 (BL13) và tại “Trích lục khai tử (Bản sao)” số 204/TLKT-BS ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh hiện cụ Trang Thị Q đã chết ngày 08/05/2017 (BL12). Như vậy, có căn cứ xác định cụ Nhi đã chết trước cụ Quế.

[3] “Giấy phép hợp thực hóa chủ quyền nhà” số 602/GP/UB ngày 07/6/1993 của Ủy ban nhân dân Quận 6, cho phép ông Trương Văn Nh có vợ Trang Thị Q được hợp thức hóa sở hữu căn nhà số 323/7 đường Hùng Vương, Phường 9, Quận 6 (BL 171). Như vậy có căn cứ xác định căn nhà số 323/7 đường Hùng Vương, Phường 9, Quận 6, nay mang số 971/7 đường Hồng Bàng, Phường 9, Quận 6 theo “Thông báo thay đổi số nhà” số 17/TB-UB ngày 03/09/2004 của Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 6 - là tài sản chung của cụ Nh và cụ Q; phù hợp “Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở” theo hồ sơ gốc số 0839/2007/GCN ngày 16/8/2007 của Ủy ban nhân dân Quận 6 đã cấp cho cụ Trang Thị Q là đồng sở hữu và đại diện cho các thừa kế của chồng là ông Trương Văn Nh (BL168-169). Do đó các bên trong vụ án tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung và thừa kế đối với nhà đất số 971/7 đường Hồng B, Phường 9, Quận 6 là di sản của cụ Nhi và cụ Q là đúng quy định pháp luật. Cụ Q ngoài sở hữu tài sản chung, còn được thừa kế di sản của cụ Nh để lại như cấp sơ thẩm đã xác định và phân chia là có căn cứ.

[4] Xét theo “Đơn khởi kiện” ngày 06/9/2017 của ông H (BL46-48), “Đơn phản tố” ngày 20/8/2018 (BL68) của bà Các và tại các “Biên bản hòa giải” ngày 23/8/2018 và ngày 20/02/2019 (BL227-236), các “Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20/02/2019 và ngày 04/6/2019 (BL 237-244) tất cả các bên nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều trình bày thống nhất về quan hệ những người thuộc diện, hàng thừa kế của cụ Nh và cụ Q, vì vậy thuộc “Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh” được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố dân sự năm 2015. Hơn nữa tại cấp phúc thẩm, các bên trong vụ án cũng không ai có kháng cáo hay có ý kiến đối với vấn đề này.

[5] Về yêu cầu được nhận hiện vật của nguyên đơn ông Trương Tấn H và bị đơn bà Trương Thị Cao C:

- Xét trong vụ án này cả nguyên đơn ông Trương Tấn H và bị đơn bà Trương Thị Cao C đều có nhu cầu và yêu cầu được hoàn phần giá trị di sản cho các thừa kế khác để nhận toàn bộ hiện vật đối với di sản là nhà đất số 971/7 Hồng Bàng, Phường 9, Quận 6, Thành phố Chí Minh. Nhưng căn cứ “Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở” theo hồ sơ gốc số

0839/2007/GCN ngày 16/8/2007 của Ủy ban nhân dân Quận 6 đã cấp cho cụ Trang Thị Q là đồng sở hữu và đại diện cho các thừa kế của chồng là ông Trương Văn Nh (BL168-169), thì diện tích đất ở đối với căn nhà là $50,50m^2$ và kỹ phần thừa kế bà Các và ông Trang Anh D được chia mỗi người là $1/8$ giá trị di sản, trong khi nguyên đơn ông Trương Tấn H được chia đối với phần theo di chúc của cụ Q là $1/2 + 4/8 = 5/8$ giá trị di sản và phần ông H được chia đối với kỹ phần của cha là ông Trương Hồng H để lại là $1/8 : 3 = 1/24$ giá trị. Như vậy tổng cộng ông Hưng được hưởng là $5/8 + 1/24$ bằng $2/3$ giá trị đối với di sản; các thừa kế khác trong vụ án sau khi cấp sơ thẩm xử giao di sản thừa kế nhà đất trên cho ông Hưng và ông Hưng phải thanh toán giá trị kỹ phần cho các thừa kế khác, thì tất cả đều không có kháng cáo. Do đó không thể cho bà Các được nhận hiện vật và hoàn lại giá trị kỹ phần di sản cho ông Hưng và những người thừa kế khác trong vụ án theo yêu cầu kháng cáo của bà Các. Mặc khác, xét di sản nhà đất cụ Nh, cụ Quế để lại mà các bên yêu cầu phân chia là tài sản chung của cụ Q và cụ Nh, mà cụ Quế đã di chúc chỉ định để lại toàn bộ phần di sản của cụ Quế gồm phần tài sản chung và phần cụ Q được thừa kế của cụ Nhi - tất cả cho nguyên đơn ông Trương Tuấn H, do đó Hội đồng xét xử xét cần giao cho ông H được nhận và sở hữu toàn bộ di sản là nhà đất số 971/7 Hồng B, Phường 9, Quận 6, Thành phố Chí Minh sau khi thực hiện nghĩa vụ hoàn lại giá trị tất cả kỹ phần mà các đồng thừa kế khác được hưởng là phù hợp như đã phân tích và thực tế về đạo đức xã hội.

- Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử: “Kể từ ngày bà C, ông D, bà A và bà N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trương Tấn H không chịu thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền trên thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác” là chưa đảm bảo về thời gian thi hành án, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà C cùng những đồng thừa kế trong vụ án; mà cần thiết ấn định một khoản thời gian để buộc ông H thực hiện nghĩa vụ việc hoàn lại giá trị kỹ phần cho tất cả các đồng thừa kế khác được hưởng và hết khoản thời gian này mà ông Hưng chưa thi hành, thì bà Các và tất cả các đồng thừa kế khác trong vụ án được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tổ chức phát mãi đối với di sản mà các bên được thừa kế là nhà đất số 971/7 Hồng Bàng, Phường 9, Quận 6, Thành phố Chí Minh để thi hành theo tỷ lệ kỹ phần mà từng thừa kế được hưởng sau khi trừ chi phí tổ chức thi hành án là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, nhằm đảm bảo quyền lợi cho tất cả người được thừa kế.

[6] Từ những căn cứ đã nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét nên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà

Trương Thị Cao C, sửa một phần bản án sơ thẩm như một phần ý kiến phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên án phí dân sự phúc thẩm bà Trương Thị Cao C không phải chịu, bà các được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị - có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 - Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định hướng dẫn về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị Cao C.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 192/2019/DS-ST ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Tấn H về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ Trương Văn Nhi và chia thừa kế theo di chúc đối với phần di sản của cụ Trang Thị Q.

2- Xác định nhà, đất tại số 971/7 Hồng Bàng, Phường 9, Quận 6, Thành phố Htheo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0839/2007/GCN ngày 16/8/2007 do Ủy ban nhân dân Quận 6, Thành phố H cấp cho bà Trang Thị Q (Là đồng sở hữu và đại diện cho các thừa kế của chồng là ông Trương Văn Nh) - là di sản thừa kế của cụ Trương Văn Nh và vợ là cụ Trang Thị Q.

3- Xác định di sản của cụ Trương Văn Nhi để lại là 1/2 giá trị nhà đất tọa lạc tại địa chỉ 971/7 Hồng B, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

4- Xác định di sản cụ Trang Thị Q để lại bao gồm phần tài sản chung và phần được thừa kế của cụ Trương Văn Nhi là 5/8 (1/2 + 1/8) giá trị nhà đất tại địa chỉ 971/7 Hồng B, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

5- Ông Trương Tấn H được hưởng thừa kế toàn bộ phần di sản của cụ Trang Thị Q gồm phần tài sản chung và phần cụ Quế được thừa kế của cụ Trương Văn Nh, tổng cộng bằng 5/8 (1/2 + 1/8) giá trị nhà đất tại địa chỉ 971/7 Hồng B, Phường 9, Quận 6, Thành phố Htheo Di chúc của cụ Trang Thị Q lập ngày 21/3/2017 do Phòng công chứng số 7 Thành phố H công chứng; và được

chia đôi với kỹ phần của cha là ông Trương Hồng Hoàng để lại là $1/8:3 = 1/24$ giá trị. Tổng cộng ông H được thừa kế bằng $5/8 + 1/24$ bằng $2/3$ giá trị di sản là nhà đất tại số 971/7 Hồng B, Phường 9, Quận 6, Thành phố H.

Giao cho ông Trương Tấn H nhận toàn bộ di sản là nhà đất tại địa chỉ số 971/7 đường Hồng B, Phường 9, Quận 6, Thành phố H.

6- Ông Trương Tấn H phải có trách nhiệm hoàn lại các kỹ phần thừa kế là tài sản chung của cụ Trương Văn N mà các đồng sở hữu khác được hưởng, trong thời hạn là 03 (ba) tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và một trong các bên có yêu cầu thi hành án. Cụ thể gồm:

- Bà Trương Thị Cao C và ông Trương Anh D, mỗi người được nhận kỹ phần bằng $1/8$ giá trị di sản là nhà đất - tính tại thời điểm xét xử là 277.137.056 đồng (hai trăm bảy mươi bảy triệu một trăm ba mươi bảy nghìn không trăm năm mươi sáu đồng).

- Bà Sử Thị Hồng A và bà Trương Huỳnh N, mỗi người được nhận kỹ phần bằng $1/24$ giá trị di sản là nhà đất - tính tại thời điểm xét xử là 92.379.019 đồng (chín mươi hai triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn không trăm mười chín đồng).

7- Nếu hết khoản thời gian 03 (ba) tháng, mà ông Hưng chưa thanh toán đủ cho các đồng thừa kế, thì bà Các và các đồng thừa kế trong vụ án được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tổ chức phát mãi đối với di sản các bên được thừa kế là nhà đất số 971/7 Hồng B, Phường 9, Quận 6, Thành phố H để thi hành theo tỷ lệ kỹ phần mà từng thừa kế được phân chia theo bản án sau khi trừ chi phí tổ chức thi hành án theo quy định pháp luật.

8- Sau khi ông H hoàn đủ cho các đồng thừa kế theo giá trị kỹ phần như trên, thì bà Trương Thị Cao C và tất cả những người đang ở tại căn nhà trên phải có trách nhiệm thu dọn đồ đạc để bàn giao căn nhà cho ông Trương Tấn H - Và ông Trương Tấn H được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu đối với nhà đất số 971/7 Hồng B, Phường 9, Quận 6, Thành phố H theo đúng quy định pháp luật và phải chấp hành việc quy hoạch đô thị khi Nhà nước.

9- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị Cao C về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy, không công nhận di chúc của cụ Trương Thị Q lập ngày 21/3/2017 do Phòng công chứng số 7 công chứng và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do bà Trương Thị Q để lại.

10- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Tấn H phải chịu là 56.341.929 đồng (Năm mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi một nghìn chín trăm hai mươi chín đồng); Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 42.458.333 đồng (Bốn mươi hai triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0028201 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6,

Thành phố H; Do đó, ông H còn phải nộp thêm án phí dân sự là 13.883.596 đồng (Mười ba triệu tám trăm tám mươi ba nghìn năm trăm chín mươi sáu đồng).

Bà C phải chịu tổng cộng là 14.156.853 đồng (Mười bốn triệu một trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi ba đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0010398 ngày 14/11/2018 và 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0010372 ngày 16/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố H; Do đó, bà C được hoàn lại số tiền chênh lệch là 143.147 đồng (Một trăm bốn mươi ba nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng).

Ông Trang Anh D phải chịu là 13.856.853 đồng (Mười ba triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi ba đồng).

Bà A và bà N mỗi người phải chịu là 4.618.951 đồng (Bốn triệu sáu trăm mười tám nghìn chín trăm năm mươi một đồng).

11- Án phí dân sự phúc thẩm bà Trương Thị Cao C không phải chịu, bà C được nhận lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2018/ 0011431, ngày 26/7/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu khởi kiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Chi cục THADS Quận 6;
- TAND Quận 6;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu (20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Thịnh